

KẾT LUẬN THANH TRA TÀI CHÍNH
Tại Ủy Ban nhân dân xã Gio Mỹ, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Quyết định số Quyết định số 05/QĐ-TTr ngày 27/02/2024 của Chánh Thanh tra Sở Tài chính về việc Thanh tra tài chính tại UBND các xã, thị trấn: Gio Mỹ, Trung Giang, Gio Hải, Gio Linh, Cửa Việt huyện Gio Linh.

Sau khi xem xét Báo cáo kết quả thanh tra số 06/BC-ĐTTr ngày 24/4/2024 của Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Tài chính Quảng Trị kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

UBND xã Gio Mỹ (gọi tắt là UBND xã), là một đơn vị hành chính trực thuộc UBND huyện Gio Linh, xã Gio Mỹ nằm ở phía đông huyện Gio Linh, có diện tích tự nhiên 2.971,82, dân số 5.882 nhân khẩu, 11.538 hộ, được chia làm 06 thôn, Nhân dân sống chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp.

Tổng cán bộ, công chức 18 người; hoạt động không chuyên trách ở xã có 10 người. Chức năng, nhiệm vụ về lĩnh vực kinh tế: Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua; lập dự toán thu chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán trên địa bàn; tổ chức thực hiện ngân sách địa phương, phối hợp với các cơ quan nhà nước trong việc quản lý ngân sách và báo cáo về ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; quản lý và sử dụng hợp lý quỹ đất, xây dựng và quản lý các công trình công cộng; huy động sự đóng góp các tổ chức, cá nhân để xây dựng kết cấu hạ tầng trên tinh thần dân chủ, tự nguyện; thực hiện quản lý quỹ có kiểm tra, giám sát và đảm bảo sử dụng đúng mục đích.

UBND xã được ngân sách đảm bảo chi hoạt động thường xuyên và không thường xuyên để tổ chức các hoạt động, nhằm hoàn thành nhiệm vụ chính trị và quản lý nhà nước trên địa bàn.

Năm 2023, tổng thu ngân sách: 7.347.050.849 đồng, trong đó: Thu kết dư, thu chuyển nguồn: 1.219.349.984 đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 5.636.717.000 đồng, bao gồm: Bổ sung cân đối ngân sách 4.017.800.000 đồng và bổ sung có mục tiêu 1.548.117.000 đồng; các khoản thu được hưởng 100%: 380.587.000 đồng và thu ngân sách phân chia theo tỷ lệ 110.396.865 đồng.

Tổng chi thường xuyên: 5.815.267.630 đồng; chi chuyển nguồn năm sau: 1.531.783.219 đồng . Để quản lý các nguồn thu, các nhiệm vụ chi và các nội dung tài chính liên quan; UBND xã đã bố trí 01 công chức có trình độ đại học, làm công tác kế toán.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

B1. TÌNH HÌNH THU, CHI NSNN

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG THU	SỐ TIỀN	TỶ LỆ (%)	NỘI DUNG CHI	SỐ TIỀN	TỶ LỆ (%)
Tổng số thu cân đối ngân sách	7.347.050.849	100,00	Tổng số chi cân đối ngân sách	7.347.050.849	100,00
1. Các khoản thu được hưởng 100%	380.587.000	5,18	Chi đầu tư phát triển	0	0
2. Các khoản thu phân theo tỷ lệ	110.396.865	1,5	Chi thường xuyên	5.815.267.630	85
3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.636.717.000	76,7	Chi chuyển nguồn ngân sách	1.531.783.219	15
4. Kết dư ngân sách, chuyển nguồn	1.219.349.984	16,62	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	0	0

B2. CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CƠ BẢN VỀ XÂY LẬP TỪ 01/01/2022 - 31/12/2023

Đơn vị tính: đồng

TT	NĂM CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH	GIÁ TRỊ NGHIỆM THU	SỐ TIỀN ĐÃ THANH TOÁN	SỐ TIỀN CÒN PHẢI THANH TOÁN
1	Năm 2022 (04 công trình)	1.721.900.000	1.461.800.000	0
2	Năm 2023 (12 công trình)	7.700.000.000	7.700.000.000	0
	Tổng cộng	9.421.900.000	9.161.800.000	0

B3. QUẢN LÝ TÀI SẢN CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT

TT	Đơn vị	Tổng hợp		
		Chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Chưa làm chuyển đổi tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Xác định giá trị quyền sử dụng đất chưa đúng quy định
1	2	3	4	5
	UBND xã Gio Mỹ (8 cơ sở)	6 cơ sở	0	8 cơ sở

(Chi thường xuyên; chi xây dựng cơ bản; quản lý cơ sở nhà, đất có bảng chi tiết đính kèm)

C. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

I. Ưu điểm

1. Chi thường xuyên

- Tổng số chi thường xuyên trong năm 5.815.267.630 đồng; việc sử dụng kinh phí cơ bản đúng mục đích, hiệu quả nhằm phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị của UBND xã.

- Việc mở sổ sách, sử dụng tài khoản và lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính; thực hiện các chính sách tài chính hiện hành, đáp ứng việc tập hợp và quyết toán các nguồn kinh phí.

- Chấp hành việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước cơ bản đảm bảo quy định hiện hành; tổ chức lưu trữ, sắp xếp chứng từ, tài liệu thuận tiện cho thanh tra.

- Thực hiện công tác hạch toán kế toán theo Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã (gọi tắt Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính); Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn và các văn bản quy phạm pháp luật về tài chính có liên quan.

- Chấp hành việc phân cấp quản lý: cụ thể quản lý ngân sách, phân cấp quản lý giá, mua sắm tài sản ... cơ bản đảm bảo quy định của pháp luật.

- Đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và thông qua Hội nghị cán bộ, công chức và người lao động; đã phát huy có

hiệu quả trong việc giải ngân các nguồn kinh phí và tài sản công do UBND xã quản lý và sử dụng.

2. Chi xây dựng cơ bản

- UBND xã đã tuân thủ cơ bản các Quy định về trình tự đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành, từ khâu chuẩn bị đầu tư đến quản lý thực hiện đầu tư: Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, bản vẽ thiết kế thi công và dự toán công trình; thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.

- UBND xã cơ bản thực hiện Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 14/9/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và một số quy định về Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công và các văn bản có liên quan.

II. Tồn tại, hạn chế

1. Việc thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2023

1.1. Về Thu ngân sách: Tổng thu đưa vào cân đối ngân sách đã qua Kho bạc Nhà nước: 7.347.050.849 đồng, bằng 160% so với dự toán huyện giao và bằng 160% so với dự toán trình HĐND xã, trong đó:

+ Thu trên địa bàn đưa vào cân đối ngân sách: 490.983.865 đồng, bằng 160,21% so với dự toán huyện giao và bằng 160,21% so với dự toán HĐND xã (*các khoản thu xã hưởng 242,41%: 380.587.000 đồng; các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 251,47%: 110.396.865 đồng*).

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 5.636.717.000 đồng (*thu bổ sung cân đối: 4.088.600.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu: 1.548.117.000 đồng*).

+ Thu chuyển nguồn ngân sách 2022 chuyển sang: 1.219.349.984 đồng, trong đó: Nguồn CCTL: 378.230.000 đồng (bao gồm: 70% tăng thu so với dự toán năm 2022; 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2022, nguồn CCTL năm trước còn lại); Kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2021 không thực hiện: 218.043.000 đồng (Đã nộp trả NS huyện trong năm 2023); Công trình kiên cố hóa kênh mương: 10.604.000 đồng; Hỗ trợ nhà ở: 160.000.000 đồng; Tăng thu tiết kiệm chi: 452.472.984 đồng).

1.2. Về chi ngân sách: Tổng chi ngân sách xã đã qua Kho bạc Nhà nước năm 2023 là: 7.347.050.849 đồng, Trong đó: Chi thường xuyên 5.815.267.630 đồng; Chi chuyển nguồn sang năm sau: 1.531.783.219 đồng, gồm: Nguồn CCTL: 201.246.000 đồng; Đóng góp của các tổ chức, cá nhân (*Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của UBND tỉnh kinh phí bồi thường cây, hoa màu*):

102.220.000 đồng; Nguồn còn lại xây dựng cơ bản: 367.809.000 đồng (*Chi phí BQL: 149.827.000 đồng; Chi phí thẩm tra quyết toán: 42.750.000 đồng; Dự toán thừa không sử dụng: 175.232.000 đồng*); nguồn tăng thu, tiết kiệm chi: 860.508.219 đồng (theo hồ sơ báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách xã).

*** Qua kiểm tra việc thực hiện thu ngân sách cho thấy:**

Nhìn chung, UBND xã đã thực hiện dự toán thu, chi tương đối tốt; các khoản thu, chi phản ánh đầy đủ trong hệ thống sổ kế toán và nộp Kho bạc Nhà nước kiểm soát cơ bản đảm bảo quy định.

- Một số khoản thu vượt so với dự toán huyện giao như: Thu từ quỹ đất công ích 240.041.000 đồng, bằng 192,03%; Thu lệ phí trước bạ nhà đất 18.485.018 đồng, bằng 100%; Thuế thu nhập cá nhân: 66.747.449 đồng, bằng 501,86% Tổng nguồn tăng thu ngân sách xã so với dự toán huyện giao trong năm 2023 là 490.983.865 đồng.

- Một số khoản thu không đạt dự toán huyện giao như: Thu thuế GTGT 20.474.398 đồng, đạt 76,97%; thu phí, lệ phí 31.076.000 đồng, đạt 97,11%

- Một số khoản chi chưa đạt dự toán huyện giao (*Gồm: Chi sự nghiệp giáo dục đạt 76%; Chi thể dục, thể thao đạt 56,16%*)

2. Về Công tác kiểm kê tài sản: Căn cứ Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 40 Luật kế toán 2015, quy định: “1. Kiểm kê tài sản là việc cân, đong, đo, đếm số lượng; xác nhận và đánh giá chất lượng, giá trị của tài sản, nguồn vốn hiện có tại thời điểm kiểm kê để kiểm tra, đối chiếu với số liệu trong sổ kế toán. 3. Sau khi kiểm kê tài sản, đơn vị kế toán phải lập báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê. Trường hợp có chênh lệch giữa số liệu thực tế kiểm kê với số liệu ghi trên sổ kế toán, đơn vị kế toán phải xác định nguyên nhân và phải phản ánh số chênh lệch, kết quả xử lý vào sổ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính.”. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 40 Luật kế toán 2015 quy định về kiểm kê tài sản “2. Đơn vị kế toán phải kiểm kê tài sản trong các trường hợp sau đây: a) Cuối kỳ kế toán năm...”.

Căn cứ quy định nêu trên, cuối kỳ kế toán năm đơn vị phải tiến hành kiểm kê tài sản cố định (TSCĐ), công cụ, dụng cụ (CCDC) nhằm đánh giá, xác định giá trị của tài sản, nguồn vốn hiện có tại thời điểm kiểm kê để kiểm tra, đối chiếu với số liệu trong sổ kế toán. Công tác kiểm kê tại UBND xã còn tồn tại, cụ thể:

- Không có lập Biên bản kiểm kê các phòng, ban trực tiếp sử dụng tài sản để xác định trách nhiệm của các bộ phận, người được giao sử dụng tài sản khi làm mất mát, hư hỏng tài sản.

- UBND xã chưa chủ động rà soát đánh giá lại TSCĐ, CCDC đã hết hao mòn đã lâu, không còn sử dụng. Đề nghị cuối niên độ kế toán thành lập hội đồng

đánh giá lại tài sản cuối năm để thực hiện rà soát đánh giá lại TSCĐ, CCDC cuối năm; trường hợp tài sản đó không còn sử dụng thì tiến hành thanh lý, thành lập Hội đồng thanh lý đảm bảo theo quy định; xác định nhu cầu mua sắm trang thiết bị nhằm thay thế trang thiết bị đã cũ, không còn sử dụng nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc.

- Không tiến hành kiểm kê Quỹ tiền mặt cuối năm; Không có biên bản kiểm kê Quỹ tiền mặt; không thành lập Hội đồng kiểm kê Quỹ.

Đề nghị UBND xã rà soát, khắc phục các tồn tại nêu trên đảm bảo quy định.

3. Việc theo dõi, phản ánh vào Sổ TSCĐ, CCDC: Thực hiện Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị. UBND xã đã mở sổ theo dõi TSCĐ, CCDC để phản ánh nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản nhằm theo dõi, quản lý (S24-H - Thông tư 107/2017/TT-BTC). Tuy nhiên, việc phản ánh nguyên giá TSCĐ của các tài sản chưa đảm bảo quy định nói trên, cụ thể:

* TSCĐ đang phản ánh và theo dõi tại CCDC cụ thể: Máy in (7,040 tr); Máy in (6,4 tr)...không đảm bảo các danh mục là CC DC.

Đề nghị UBND xã rà soát, điều chỉnh danh mục TSCĐ, CCDC để phản ánh theo dõi vào Sổ sách kế toán đảm bảo quy định nói trên.

4. Phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vào Sổ Kế toán: UBND xã phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vào sổ sách kế toán để theo dõi và quản lý; việc áp giá đất đã lâu không còn phù hợp với giá trị theo quy định tại thời điểm hiện tại (Giá trị phản ánh vào Sổ sách kế toán 08 cơ sở: Khuôn viên đất trụ sở UBND xã Gio Mỹ 1: 103 triệu; khuôn viên xã Gio Mỹ 2: 192,64 tr...), yêu cầu UBND xã căn cứ bảng giá theo quy định hiện nay để áp giá và phản ánh vào Sổ kế toán giá trị quyền sử dụng đất đảm bảo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 104 Nghị định 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công: “1. Giá trị quyền sử dụng đất tính thành tiền là giá trị tài sản cố định được tính trong giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị. 2. Giá trị quyền sử dụng đất được hạch toán vào giá trị tài sản và theo dõi trên sổ kế toán theo quy định của pháp luật kế toán; diện tích đất, hồ sơ về đất được ghi chép, theo dõi trên sổ tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị...”) và quy định Điều 100 đến Điều 104 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ để thực hiện.

5. Xác định hao mòn tài sản cố định vô hình: Căn cứ loại 4 Phụ lục số 01 tại Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị

về việc quy định Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị. Quy định thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình đối với các phần mềm tỷ lệ hao mòn 20%/năm và thời gian sử dụng 5 năm. Tuy nhiên, UBND xã không tính hao mòn tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán và các phần mềm quản lý khác là chưa đảm bảo theo quy định nói trên.

6. Việc quản lý, sử dụng tài sản là Đất đã lâu nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD Đất (06 cơ sở nhà đất TTHTCĐ Thôn) để phản ánh vào theo dõi vào Sổ sách kế toán là không đảm bảo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 104 Nghị định 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công: “1. Giá trị quyền sử dụng đất tính thành tiền là giá trị tài sản cố định được tính trong giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị. 2. Giá trị quyền sử dụng đất được hạch toán vào giá trị tài sản và theo dõi trên sổ kế toán theo quy định của pháp luật kế toán; diện tích đất, hồ sơ về đất được ghi chép, theo dõi trên sổ tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị...) và quy định Điều 100 đến Điều 104 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ để thực hiện. của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và tại Điều 40 Luật Kế toán năm 2015, gây khó khăn trong việc kiểm kê tài sản là đất khi phản ánh, theo dõi vào Sổ tài sản (TSCĐ vô hình) và lập Báo cáo tài chính.

Không có Giấy chứng nhận QSD Đất: Đề nghị UBND xã sớm làm việc với cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại các cơ sở Đất đang quản lý để phản ánh vào Sổ kế toán theo dõi, quản lý đảm bảo theo quy định Luật đất đai có hiệu lực từ năm 2013; Nghị định 151/2017/NĐ-CP năm 2017 của Chính phủ và khoản 3 Công văn số 2225/UBND-TCTM ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, cụ thể: “Đối với các cơ sở nhà, đất thiếu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng các cơ sở nhà, đất liên hệ cơ quan có thẩm quyền căn cứ nguồn gốc, hồ sơ pháp lý có liên quan và quy định của pháp luật về đất đai để xem xét, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng theo đúng quy định của pháp luật”.

7. Tách nguồn.

Trong năm, UBND xã không thể hiện rõ nguồn cải cách tiền lương, nguồn dự phòng, kết dư ngân sách mà đưa vào nội dung chuyển nguồn sang năm sau, năm 2022: 1.219.349.984 đồng; năm 2023: 1.531.783.219 đồng là chưa đảm bảo với quy định tại Điều 72: Xử lý kết dư ngân sách và Điều 10: Dự phòng ngân sách

theo Luật Ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015 của Quốc hội. Đề nghị UBND xã xác định rõ nguồn kinh phí để theo dõi, quản lý đảm bảo quy định (*trong đó: Nguồn CCTL; nguồn dự phòng; nguồn tăng thu, tiết kiệm chi; nguồn bổ sung sau 30/9...*).

8. Cuối năm 2023, UBND xã lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thu chi ngân sách là chưa phù hợp với quy định. Theo quy định của pháp luật, UBND thị trấn phải lập 02 báo cáo: Báo cáo quyết toán theo Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã (gọi tắt Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính) và Báo cáo tài chính tại Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán và tài chính xã (gọi tắt Thông tư 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính). Tại báo cáo UBND xã lập; chỉ một báo cáo, vừa thừa, vừa thiếu báo biểu và không đảm bảo trình tự theo 02 Thông tư nêu trên.

9. **Về thực hiện các khoản chi từ nguồn dự phòng ngân sách:** Theo báo cáo quyết toán ngân sách xã, tổng dự toán nguồn kinh phí dự phòng năm 2023 là 86.700.000 đồng, UBND xã đã chi số kinh phí này cho các nhiệm vụ chi hoạt động trong năm tại Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND xã Gio Mỹ về việc bổ sung dự toán chi ngân sách xã năm 2023, với số tiền: 86.700.000 đồng, trong đó, hỗ trợ mặt trận, các Hội đoàn thể: 10.000.000 đồng.

Căn cứ Luật NSNN năm 2015 và Khoản 4 Điều 11 Thông tư số 344/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn: “Ngân sách xã được bố trí mức dự phòng ngân sách hàng năm tương ứng từ 2% đến 4% tổng dự toán chi để đảm bảo các nhiệm vụ *phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã mà chưa được dự toán*, Ủy ban nhân dân xã quyết định sử dụng dự phòng ngân sách xã, kết thúc mỗi quý báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.”

Căn cứ quy định nêu trên UBND xã đã chi từ nguồn dự phòng không đúng quy định tại Luật NSNN 2015 và khoản 4 Điều 11 Thông tư số 344/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. **Thu hồi vào NSNN số tiền: 10.000.000 đồng** (Mười triệu đồng chẵn).

10. Theo Thông báo của Cơ quan BHXH tháng 12/2023; đến 31/12/2023, UBND xã nộp thừa BHXH, BHYT: 15.116.154 đồng. Theo quy định TK 332 phải có dư nợ, nhưng TK này có số dư bằng 0, là chưa phù hợp với chế độ kế toán hiện

hành. Đề nghị UBND xã cuối niên độ kế toán làm việc với cơ quan BHXH để xác định số thừa, thiếu nhằm điều chỉnh đảm bảo theo quy định nói trên.

11. Quỹ tài chính ngoài ngân sách: Theo báo cáo của UBND xã Gio Mỹ các Quỹ trong năm 2023.

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số dư đầu năm	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn cuối năm
1	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	59.493.000	56.012.000	46.406.000	69.099.000
2	Quỹ Khuyến học	26.506.000	25.600.000	27.592.000	24.514.000
3	Phòng, chống thiên tai	80.702.400	0	0	80.702.400
4	Lãi TG	0	1.771.435	0	1.771.435
	Tổng cộng	166.701.400	83.383.435	73.998.000	176.086.835

Nhận xét:

- Thu, chi các quỹ UBND xã cơ bản đảm bảo, đã chi theo đúng tính chất, nội dung hình thành quỹ, Tuy nhiên đang phản ánh vào TK 431 Quỹ phòng chống thiên tai là chưa đảm bảo quy định tại Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã. Đề nghị UBND xã hạch toán khoản thu này qua TK 336 - các khoản thu hộ, chi hộ.

- Biên lai Thu các quỹ đóng góp còn tồn tại: Người nộp tiền không ký xác nhận; Biên lai còn tẩy, xóa, bỏ; nên sử dụng biên lai thu năm nào thì lưu trữ năm đó; không sử dụng 01 cuốn biên lai thể hiện 02 năm (2022; 2023).

12. Xây dựng cơ bản

Một số Hóa đơn bán hàng hoặc GTGT của đơn vị nhận thầu xuất hóa đơn chậm theo quy định tại Điều 16 -Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ “Ngày hóa đơn đối với xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền” (nay là quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày

19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2022).

13. Chi tiền điện hộ nghèo

- Năm 2022 chuyển sang: 0 đồng
- Thu trong năm (105 hộ nghèo: Quý I; Hộ CSXH: Quý I: 2; Quý II: 2; Quý III: 1; Quý IV: 105): 70.302.600 đồng
- Chi trong năm: 70.302.600 đồng

Chi tiền điện cho hộ nghèo và Hộ chính sách tại UBND xã, còn tồn tại: Chi trả tiền điện Quý I, nhưng đến tháng 07/2023 mới thanh toán tiền điện cho các hộ chính sách, hộ nghèo.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính về quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội “*Thực hiện rút kinh phí, phân công cán bộ phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội, cán bộ làm công tác giảm nghèo, trưởng thôn, ấp, bản tổ chức thực hiện chi trả bằng tiền mặt trực tiếp đến từng hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện trên địa bàn mỗi quý 1 lần và hoàn thành chi trả trước ngày 25 của tháng thứ 2 trong quý. Trường hợp quý sau căn cứ hóa đơn thanh toán tiền điện của hộ chính sách xã hội nếu vượt sản lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt (trên 50 kwh) trong tháng của quý trước, thì số tiền thanh toán cho đối tượng được hưởng điều chỉnh giảm (hoặc thu hồi) vào quý sau.*

Đề nghị UBND xã nghiêm túc thanh toán kinh phí cho hộ nghèo, hộ chính sách kịp thời, đảm bảo thời gian theo Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính.

14. Năm 2023, UBND xã chưa thực hiện công khai quý, 06 tháng: Số liệu dự toán thu, chi ngân sách hàng quý, 06 tháng; mua sắm tài sản theo Điều 1, Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính; quy trình đầu tư XD CB theo quy định tại Thông tư 10/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính; ngân sách theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17, Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 về thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách về việc công khai các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 3, Điều 15: Tất cả các nguồn kinh phí liên quan đến tài chính xã, được thực hiện bằng các hình thức: Niêm yết công khai tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã ít nhất trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày niêm yết; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã (nếu xã có hệ thống truyền thanh); công khai các quỹ công chuyên dùng theo Thông tư

19/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính. Đề nghị UBND xã nghiêm túc thực hiện công tác này theo quy định của pháp luật.

15. Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh bổ sung hằng năm không phải Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023

- Tại Quyết định

+ Điều chỉnh căn cứ theo hướng đảm bảo đầy đủ nội dung pháp lý: Nghị định 130/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ; Nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức & người lao động và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Tại Quy chế

+ Bổ sung tại khoản 1 điều 7 Chương II: “Theo Nghị quyết số 17/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022, trường hợp số giờ làm thêm trong 01 năm, từ 200 giờ đến 300 giờ/năm. Nhà Trường phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

16. Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công

- Tại Quyết định: Căn cứ điều chỉnh theo hướng gọn, nhưng đầy đủ: Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản, Nghị định 151/2017/NĐCP của Chính phủ, Thông tư 144/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 151/NĐ-CP của Chính phủ, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và xét đề nghị của Công chức tài chính kế toán.

+ Bổ sung: Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh về quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 100/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Nghị quyết số Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh.

+ Đối tượng áp dụng: Công chức và người lao động xã (là đối tượng quản lý, sử dụng tài sản).

- Tại Quy chế

Rà soát, viết lại theo hướng dẫn được quy định tại Điều 7 Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

17. UBND xã phát sinh tài sản trong năm đã nghiệm thu, thanh toán nhưng không phản ánh tăng TSCĐ các công trình và chưa có Biên bản bàn giao cho đối tượng thụ hưởng quản lý, sử dụng tài sản, cụ thể:

STT	Tên tài sản cố định	Năm đưa vào sử dụng	Ghi chú
I	Dự án chưa bàn giao đơn vị khác sử dụng		
1	Sửa chữa hội trường thôn An Mỹ; thôn Phước thị	Năm 2022	Chưa có Biên bản bàn giao cho đối tượng, quản lý, sử dụng tài sản
2	Kiên cố hóa kênh tưới N8- Quai mọ	Năm 2022	nt
3	Kênh tưới đồng dưới + 05 cống thôn Lai An	Năm 2023	nt
4	Kênh tưới thôn Thủy Khê (nội đồng)	Năm 2023	nt
5	Nâng cấp sân vận động thôn Lại An (giai đoạn 1)	Năm 2023	nt
6	Nâng cấp sân bóng thôn Cẩm Phô (giai đoạn 1)	Năm 2023	nt
II	Các công trình, dự án chưa phản ánh vào sổ tài sản cố định		
1	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời đường liên xã	Năm 2022	Thiếu ghi tăng TSCĐ
2	Nâng cấp sửa chữa TTHTCĐ xã và trụ sở làm việc khối Mặt trận (giai đoạn 2)	Năm 2022	Thiếu ghi tăng TSCĐ
3	Nâng cấp đường giao thông thôn Cẩm Phô (Nội đồng)	Năm 2023	Thiếu ghi tăng TSCĐ
4	Nâng cấp đường giao thông thôn Lại An (ngõ xóm tuyến 1 + tuyến 2 + tuyến 3)	Năm 2023	Thiếu ghi tăng TSCĐ
5	Nâng cấp đường giao thông thôn Lại An tuyến 1 (ngõ xóm tuyến 1 + tuyến 2 + tuyến 3)	Năm 2023	Thiếu ghi tăng TSCĐ
6	Nâng cấp đường giao thông thôn Lại An (Nội đồng tuyến 1)	Năm 2023	Thiếu ghi tăng TSCĐ

7	Sửa chữa nâng cấp đường bê tông Cẩm Phô - Nhĩ Thượng (giai đoạn 3)	Năm 2023	Thiếu ghi tăng TSCĐ
---	--	----------	---------------------

18. Qua kiểm tra một số công trình năm 2022, 2023: Số kinh phí giảm trừ do không sử dụng, cụ thể:

- Công trình kiên cố hóa kênh mương năm 2022 chuyển sang: 10.604.000 đồng;

- Kinh phí còn lại các công trình trong năm 2023: Dự toán thừa không sử dụng: 175.232.000 đồng.

Tổng kinh phí giảm trừ dự toán: 185.836.000 đồng (Một trăm tám mươi năm triệu, tám trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

III. KIẾN NGHỊ: Đề không ngừng nâng cao hiệu quả và hoàn thiện công tác quản lý tài chính đối với UBND xã Gio Mỹ, huyện Gio Linh; Thanh tra Sở Tài chính kiến nghị:

A. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Gio Linh

1. Tăng cường công tác kiểm tra tài chính, thông qua xét duyệt quyết toán hàng năm đối với UBND xã theo chức năng quản lý nhà nước về tài chính trên địa bàn.

2. Tăng cường chỉ đạo công tác quản lý, sử dụng tài sản; công tác kiểm kê, phản ánh và theo dõi, quản lý tài sản đảm bảo quy định tại điều 40 Luật Kế toán 2015 và Nghị định 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Chỉ đạo UBND xã chi trả chế độ chi tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách đảm bảo thời gian được quy định tại Điều 5 Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính về quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

4. Chỉ đạo và đôn đốc UBND xã nghiêm túc khắc phục các tồn tại được nêu bên dưới và nộp vào ngân sách nhà nước khi có Quyết định thu hồi của Thanh tra Sở Tài chính.

B. Ủy ban nhân dân xã Gio Mỹ, huyện Gio Linh: Yêu cầu Chủ tịch UBND xã Gio Mỹ chỉ đạo các bộ phận và cá nhân liên quan khắc phục kịp thời các hạn chế đã chỉ ra tại Phần II: tồn tại, hạn chế và thực hiện đầy đủ kịp thời các nội dung sau:

1. Thu hồi vào ngân sách nhà nước, số tiền: **10.000.000 đồng** (Mười triệu đồng chẵn), do chi từ nguồn dự phòng năm 2023 không đúng quy định.

2. Giảm trừ ngân sách nhà nước số tiền **185.836.000 đồng** (Một trăm tám mươi năm triệu, tám trăm ba mươi sáu ngàn đồng), dự toán các công trình còn lại của năm 2022, 2023 được nêu tại khoản 18 mục II của phần đánh giá công tác quản lý tài chính.

3. Phối hợp có hiệu quả với các cơ quan liên quan để thực hiện chi trả chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách đảm bảo thời gian quy định tại Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Nghiêm túc thực hiện công khai các nội dung, được nêu tại khoản 14, Mục II của phần đánh giá công tác quản lý tài chính theo quy định của pháp luật.

5. Cuối năm, nghiêm túc thực hiện lập Báo cáo quyết toán và Báo cáo tài chính theo Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 và Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

6. Phản ánh vào sổ kế toán TSCĐ vô hình, phần mềm kế toán và phần mềm quản lý khác và mở thêm TK cấp 2 theo thẩm quyền để phản ánh hao mòn tài sản vô hình.

7. Thực hiện tốt các nội dung:

- Thực hiện nghiêm công tác quản lý tài sản, kiểm kê tài sản đối với các nội dung được nêu tại khoản 2, Mục II của phần đánh giá công tác quản lý tài chính theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Tiếp tục rà soát các công trình XDCB của các nguồn kinh phí từ năm 2023 trở về trước để phản ánh vào sổ kế toán, nhằm quản lý và sử dụng.

8. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài sản là CCDC và thông qua kiểm kê để xác định các tài sản là CCDC theo quy định của Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính; Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị (nay là Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính), để mở sổ sách theo dõi, phản ánh và quản lý.

9. Cuối năm, thực hiện có hiệu quả công tác kiểm kê tài sản theo các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài sản. Nghiêm túc thực hiện tốt công tác quản lý tài sản theo Luật kế toán và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

10. Bỏ, điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế sử dụng, quản lý tài sản công được nêu tại khoản 15, 16 Mục II của phần đánh giá công tác quản lý tài chính.

11. Khẩn trương làm việc với các cơ quan liên quan cấp giấy chứng nhận QSD Đất các cơ sở chưa có GCN QSD Đất để phản ánh vào sổ kế toán giá trị quyền sử dụng đất diện tích của 06 cơ sở nhà đất, TSCĐ vô hình theo Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

12. Thực hiện quản lý Quỹ tài chính ngoài ngân sách đảm bảo quy định được nêu tại khoản 11, Mục II của phần đánh giá công tác quản lý tài chính.

13. Nâng cao chất lượng các báo biểu; sắp xếp chứng từ kế toán đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, khoa học và theo quy định của pháp luật.

14. Nghiêm túc khắc phục các tồn tại được nêu tại khoản 7, khoản 8, khoản 10, khoản 12 mục II và các nội dung khác của phần đánh giá công tác quản lý tài chính.

Trên đây là Kết luận thanh tra tài chính tại UBND xã Gio Mỹ, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Trong thời hạn 30 ngày; kể từ ngày gửi kết luận này, yêu cầu UBND xã báo cáo kết quả đã thực hiện theo Kết luận thanh tra về Thanh tra Sở Tài chính theo quy định./.

Nơi nhận

- UBND xã Gio Mỹ;
- Phòng TC - KH huyện Gio Linh;
- Giám đốc (Báo cáo);
- Lưu: TTra.



Hoàng Thanh Hải

**BẢNG CHI TIẾT QUYẾT TOÁN CHI NĂM 2023
CỦA UBND XÃ GIO MỸ**

*(Kèm theo Kết luận thanh tra tài chính số 02/KL-TTr ngày 25 tháng 4 năm 2024 của
Chánh thanh tra Sở Tài chính)*

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SỐ SÁNH QT/DT (%)
I	Chi ngân sách trong năm	4.585.900.000	5.815.267.630	126,81%
1	Chi đầu tư phát triển	0	0	
2	Chi thường xuyên	4.585.900.000	5.815.267.630	126,81%
-	<i>Chi quốc phòng</i>	<i>317.400.000</i>	<i>328.244.200</i>	<i>103,42%</i>
-	<i>Chi an ninh, trật tự</i>	<i>33.000.000</i>	<i>40.605.800</i>	<i>123,05%</i>
-	<i>Chi sự nghiệp giáo dục</i>	<i>20.000.000</i>	<i>8.000.000</i>	<i>40%</i>
-	<i>Chi mua sắm TT HTCD + Phụ cấp TTHTCD</i>	<i>30.000.000</i>	<i>30.000.000</i>	<i>100%</i>
-	<i>Chi sự nghiệp Văn hóa, Thông tin (36 tr thôn – KDC)</i>	<i>47.300.000</i>	<i>46.920.000</i>	<i>99,2%</i>
-	<i>Chi sự nghiệp thể dục, thể thao</i>	<i>13.800.000</i>	<i>7.750.000</i>	<i>56,16%</i>
-	<i>Chi sự nghiệp môi trường</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>	<i>100%</i>
-	<i>Chi sự nghiệp phát thanh</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>	<i>100%</i>
-	<i>Chi hoạt động kinh tế khác</i>	<i>68.800.000</i>	<i>948.423.000</i>	<i>1.378,52%</i>
	Chi quản lý nhà nước, đảng đoàn thể	3.812.500.000	4.188.499.630	109,86%
-	<i>Ủy Ban nhân dân</i>	<i>1.872.251.000</i>	<i>2.032.570.530</i>	<i>108,56%</i>
-	<i>Hội đồng nhân dân</i>	<i>448.400.000</i>	<i>486.595.400</i>	<i>108,52%</i>
-	<i>Đảng Cộng sản Việt Nam</i>	<i>523.135.000</i>	<i>581.117.500</i>	<i>111,08%</i>
-	<i>Mặt trận Tổ quốc Việt Nam</i>	<i>254.256.000</i>	<i>328.201.300</i>	<i>129,08%</i>
-	<i>Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM</i>	<i>152.157.000</i>	<i>142.525.500</i>	<i>93,67%</i>

-	Hội liên hiệp phụ nữ	172.850.000	173.928.100	100,62%
-	Hội CCB	163.421.000	172.219.600	105,38%
-	Hội Nông dân	166.894.000	188.937.900	113,21%
-	Chi hỗ trợ các hội khác	59.136.000	82.403.800	139,35%
-	Chi cho công tác xã hội	126.400.000	186.825.000	147,80%
3	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	0	0	0
4	Chi dự phòng	86.700.000	86.700.000	
5	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau, trong đó:	0	1.531.783.219	
5.1.	<i>Nguồn trích CCTL (bao gồm: 70% tăng thu so với dự toán năm 2023; 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2023, nguồn CCTL năm trước còn lại)</i>	<i>0</i>	<i>201.246.000</i>	

**BẢNG CHI TIẾT QUYẾT TOÁN THU NĂM 2023
CỦA UBND XÃ GIO MỸ**

*(Kèm theo Kết luận thanh tra tài chính số 02/KL-TTr ngày 25 tháng 4 năm 2024 của
Chánh thanh tra Sở Tài chính)*

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SỐ SÁNH QT/DT (%)
I	Thu ngân sách trong năm	5.805.249.984	7.347.050.849	126%
1	Thu tại xã	200.900.000	490.983.865	244%
1.1.	Các khoản thu xã hưởng 100%	157.000.000	380.587.000	242,41%
-	<i>Phí, lệ phí (phí chứng thực)</i>	32.000.000	31.076.000	97,1%
-	<i>Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác</i>	125.000.000	240.041.000	192,03%
-	<i>Thu xử phạt, tịch thu khác</i>	-	7.250.000	-
-	<i>Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân</i>	-	102.220.000	-
1.2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	43.900.000	110.396.865	251,47%
-	<i>Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh</i>	4.000.000	4.690.000	117,25%
-	<i>Lệ phí trước bạ nhà đất</i>	0	18.485.018	-
-	<i>Thuế GTGT</i>	26.600.000	20.474.398	76,97%
-	<i>Thuế TNCN (từ bất động sản)</i>	13.300.000	66.747.449	501,86%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.385.000.000	5.636.717.000	128,55%
2.1.	<i>Bổ sung cân đối ngân sách</i>	4.017.800.000	4.088.600.000	101,76%
2.2.	<i>Bổ sung có mục tiêu (CTMT QG, chương trình mục tiêu, nhiệm vụ của địa phương...)</i>	367.200.000	1.548.117.000	421,60%
3	Thu chuyển nguồn ngân sách từ năm 2022 chuyển sang	1.219.349.984	1.219.349.984	

3.1.	Nguồn CCTL (bao gồm: 70% tăng thu so với dự toán năm 2022; 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2022, nguồn CCTL năm trước còn lại)	378.230.000	378.230.000	
3.2.	Kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2021 không thực hiện	218.043.000	218.043.000	Nộp trả NS huyện
3.2.	Công trình kiên cố hóa kênh mương	10.604.000	10.604.000	
3.3.	Hỗ trợ nhà ở (Quốc phòng)	160.000.000	160.000.000	
3.4.	Tăng thu, tiết kiệm chi	452.472.984	452.472.984	

**TỔNG HỢP QUẢN LÝ TÀI SẢN CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT
CỦA UBND XÃ GIO MỸ**

*(Kèm theo Kết luận thanh tra tài chính số 02/KL-TTr ngày 25 tháng 4 năm 2024
của Chánh thanh tra Sở Tài chính)*

TT	Đơn vị	Tổng hợp		
		Chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Chưa làm chuyển đổi tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Xác định giá trị quyền sử dụng đất chưa đúng quy định
1	2	3	4	5
01	UBND xã Gio Mỹ (08 cơ sở) <i>Trong đó:</i> - Chưa làm giấ <i>t</i> Chứng nhận Quyền sử dụng đất gồm: Cơ sở tại thôn Nhĩ Nương (1.759m ²); thôn Lại An (1.942m ²); thôn Phước Thị (597m ²); thôn Cẩm Phố (2.522m ²); thôn An Mỹ (678m ²); Thôn Thủy Kê (1.822m ²)	06 cơ sở	Không có	08 cơ sở

BÁO CÁO SỐ LIỆU XDCB NĂM 2023 CỦA UBND XÃ GIO MỸ

(Kèm theo Kết luận thanh tra tài chính số 02/KL-TTr ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Chánh thanh tra Sở Tài chính)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên công trình	Giá trị phê duyệt				Giá trị phê duyệt dự toán				Giá trị phê duyệt trúng thầu		Giá trị nghiệm thu		Giá trị đã thanh toán	
		Tổng		Trong đó		Tổng	Trong đó		Xây lắp	Khác	Xây lắp	Khác	Xây lắp	Khác	
		Số	Xây lắp	Khác	Xây lắp		Khác								
1	Hệ thống nước sạch 4 thôn Nhị Thượng, An Mỹ, Cẩm Phô, Thủy Khê xã Gio Mỹ (giai đoạn 2)	1.200.000	999.884	200.116	1.200.000	999.884	200.116	999.884	200.116	999.884	200.116	999.884	200.116	999.884	200.116
2	Nâng cấp đường giao thông thôn Cẩm Phô (nội đồng)	500.000	430.806	69.194	500.000	430.806	69.194	430.806	69.194	430.806	69.194	430.806	69.194	430.806	69.194
3	Kênh tiêu thôn Lại An (Tuyến 1+ Tuyến 2 + Tuyến 3 + Tuyến 4)	600.000	516.180	83.820	600.000	516.180	83.820	516.180	83.820	516.180	83.820	516.180	83.820	516.180	83.820
4	Nâng cấp đường giao thông thôn Lại An (ngõ xóm tuyến 1 + tuyến 2 + tuyến 3)	500.000	423.096	76.904	500.000	423.096	76.904	423.096	76.904	423.096	76.904	423.096	76.904	423.096	76.904
5	Nâng cấp đường giao thông thôn Lại An tuyến 1 (vùng đồng đội 3)	700.000	594.903	105.097	700.000	594.903	105.097	594.903	105.097	594.903	105.097	594.903	105.097	594.903	105.097
6	Nâng cấp đường giao thông thôn Lại An (nội đồng tuyến 1)	700.000	602.370	97.630	700.000	602.370	97.630	602.370	97.630	602.370	97.630	602.370	97.630	602.370	97.630
7	Kênh tưới đồng dưới + 05 công thôn Lại An	700.000	610.783	89.217	700.000	610.783	89.217	610.783	89.217	610.783	89.217	610.783	89.217	610.783	89.217

(Kèm theo Kết luận thanh tra tài chính số 02/KL-TTr ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Chánh thanh tra Sở Tài chính)

Đơn vị tính: đồng

	Giá trị phê duyệt			Giá trị phê duyệt dự toán			Giá trị phê duyệt trúng thầu		Giá trị nghiệm thu		Giá trị đã thanh toán		
	500.000	437.495	62.505	500.000	437.495	62.505	437.495	62.505	437.495	62.505	437.495	62.505	
	TMĐT												
8	Kênh tiêu thôn Lại An (đội 3)	500.000	437.495	62.505	500.000	437.495	62.505	437.495	62.505	437.495	62.505	437.495	62.505
9	Sửa chữa, nâng cấp đường bê tông Cẩm Phô - Nhữ Thượng (giai đoạn 3)	800.000	693.307	106.693	800.000	693.307	106.693	693.307	106.693	693.307	106.693	693.307	106.693
10	Kênh tưới thôn Thủy Khê (nội đồng)	500.000	429.840	70.160	500.000	429.840	70.160	429.840	70.160	429.840	70.160	429.840	70.160
11	Nâng cấp sân vận động thôn Lại An (giai đoạn 1)	500.000	419.832	80.168	500.000	419.832	80.168	419.832	80.168	419.832	80.168	419.832	80.168
12	Nâng cấp sân bóng thôn Cẩm Phô (giai đoạn 1)	500.000	429.840	70.160	500.000	429.840	70.160	429.840	70.160	429.840	70.160	429.840	70.160
	Tổng cộng	7.700.000	6.588.336	1.111.664	7.700.000	6.588.336	1.111.664	6.588.336	1.111.664	6.588.336	1.111.664	6.588.336	1.111.664